

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán chi ngân sách nhà nước quý IV năm 2023 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 16349/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu chi ngân sách nhà nước, số liệu thu, chi nguồn khác quý IV năm 2023 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng các Tổ, Kế toán và cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Ngọc Lam

Củ Chi, ngày 25 tháng 01 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC QUÝ IV NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTGDNNGDTX ngày 25/01/2024 của Trung tâm GDNN-GDTX)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm GDNN - GDTX huyện Củ Chi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 12 tháng năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.134.476.200	6.355.326.800	153,72%	
I	Số thu phí, lệ phí	990.000.000	2.145.700.000	216,74%	
1	Học phí	990.000.000	2.145.700.000	216,74%	
2	Phí			0,00%	
3	Thu thoả thuận, hoạt động dịch vụ	2.272.000.000	3.456.081.000	402,70%	
3.1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000	2.422.120.000	151,19%	
3.2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000		0,00%	
3.3	Tiền học Tin Học	210.000.000	101.350.000	48,26%	
3.4	Tiền học Nghề	-	87.850.000	0,00%	
3.5	Tiền phối hợp đào tạo	-	336.660.000	0,00%	
3.6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000	508.101.000	203,24%	
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946	523.797.002	81,60%	
4.1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352	72.979.600	16,63%	
4.2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717	10.213.720	7,14%	
4.3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	-	190.260.681	0,00%	
4.4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877	250.343.001	416,42%	
5	Các khoản thu hộ chi hộ năm 2022 mang sang 2023	230.541.254	119.779.745	350,23%	
5.1	Tiền Ấn Phẩm	176.575.422	31.650.000	17,92%	
5.2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300	24.000	0,25%	
5.3	Tiền in đề	15.152.699	3.750.000	24,75%	
5.4	Tiền lệ phí bằng	1.621.000		0,00%	
5.5	Tiền CSSKBĐ	27.449.833	84.355.745	307,31%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 12 tháng năm 2023	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.144.476.200	4.209.626.800	114,99%	
1	Học phí	990.000.000	1.138.360.282	114,99%	
2	Phí			0,00%	
3	Chi thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	2.272.000.000	3.462.101.000	405,56%	
3.1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000	2.422.120.000	151,19%	
3.2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000	6.020.000	2,87%	
3.3	Tiền học Tin Học	210.000.000	101.350.000	48,26%	
3.4	Tiền học Nghề	-	87.850.000	0,00%	
3.5	Tiền phối hợp đào tạo	-	336.660.000	0,00%	
3.6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000	508.101.000	203,24%	
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946	626.154.954	375,18%	
4.1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352	230.451.000	52,52%	
4.2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717	19.780.000	13,83%	
4.3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	-	190.260.681	0,00%	
4.4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877	185.663.273	308,83%	
5	Các khoản thu hộ chi hộ năm 2022 mang sang 2023	230.541.254	121.370.846	322,28%	
5.1	Tiền Ấn Phẩm	176.575.422	74.541.047	42,21%	
5.2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300	9.766.300	100,25%	
5.3	Tiền in đề	15.152.699	15.152.699	100,00%	
5.4	Tiền lệ phí bằng	1.621.000	-	0,00%	
5.6	Tiền CSSKBĐ	27.449.833	21.910.800	79,82%	
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.564.486.717	6.191.016.201	187,10%	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.564.486.717	6.191.016.201	187,10%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.674.637.192	3.671.165.447	99,91%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.889.849.525	2.519.850.754	87,20%	



Ngày 25 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Ngọc Lam

Đơn vị: **TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN CỬ CHI**

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-TTGDNNGDTX ngày 25 /01 /2024 của Trung tâm GDNN-GDTX)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.134.476.200
I	Số thu phí, lệ phí	990.000.000
1	Học phí	990.000.000
2	Phí	
3	Thu thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	2.272.000.000
3.1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000
3.2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000
3.3	Tiền học Tin Học	210.000.000
3.4	Tiền học Nghề	-
3.5	Tiền phối hợp đào tạo	
3.6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946
4.1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352
4.2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717
4.3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	
4.4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877
5	Các khoản thu hộ chi hộ năm 2022 mang sang 2023	230.541.254
5.1	Tiền Ấn Phẩm	176.575.422
5.2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300
5.3	Tiền in đề	15.152.699
5.4	Tiền lệ phí bảng	1.621.000
5.5	Tiền CSSKBD	27.449.833
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.134.476.200
1	Học phí	990.000.000
2	Phí	
3	Chi thỏa thuận, hoạt động dịch vụ	2.272.000.000
3.1	Tiền dạy thêm học thêm	1.602.000.000
3.2	Tiền học Tiếng Anh	210.000.000
3.3	Tiền học Tin Học	210.000.000
3.4	Tiền học Nghề	-
3.5	Tiền phối hợp đào tạo	-
3.6	Tiền căn tin - bãi xe	250.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4	Các loại quỹ trích cuối năm 2022 mang sang 2023	641.934.946
4.1	Tiền quỹ phát triển sự nghiệp	438.811.352
4.2	Tiền quỹ khen thưởng	143.005.717
4.3	Tiền quỹ bổ sung thu nhập	
4.4	Tiền quỹ phúc lợi	60.117.877
5	Các khoản thu hộ chi hộ năm 2022 mang sang 2023	230.541.254
5.1	Tiền Ăn Phẩm	176.575.422
5.2	Tiền Logo- phù hiệu	9.742.300
5.3	Tiền in đề	15.152.699
5.4	Tiền lệ phí bằng	1.621.000
5.5	Tiền CSSKBĐ	27.449.833
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.564.486.717
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.564.486.717
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.564.486.717
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.674.637.192
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.889.849.525

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

